

Bản án số: 212/2020/HSPT
Ngày: 16-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 306/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo **Phạm Đức H** về tội “*Giết người*” và “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1514/2020/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Đức H**, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1999, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ làm bánh mỳ; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Phạm Thanh H, sinh năm 1973; mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2018, chuyển sang tạm giam vào ngày 26/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Phạm Đức H: Luật sư Bùi Bá D - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Đức H:
+ Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1973;
Nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (là cha ruột của bị cáo); vắng mặt.
+ Bà **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm 1973;
Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng (là mẹ ruột của bị cáo); vắng mặt.
- Các bị hại:
+ Anh **Nguyễn Xuân P**, sinh năm 1992; vắng mặt.
+ Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1993; vắng mặt.
Cùng trú tại: tỉnh Quảng Nam.
+ Anh **Nguyễn Thành C**, sinh ngày 19/6/2002; vắng mặt.
Đại diện hợp pháp của anh C là ông Nguyễn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (là cha, mẹ ruột của bị hại); vắng mặt.
Cùng trú tại: tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đức H, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Thành C, sinh năm 2002 là thợ làm bánh mì tại lò bánh mì Gia H thuộc thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Tối ngày 14/12/2018, lò bánh mì Gia H bị hư hỏng không làm bánh mì được nên chủ lò bánh mì Gia H bảo H và C đến lò bánh mì D thuộc Khối 2A, thị trấn K làm bánh mì để sáng ngày 15/12/2018 kịp giao cho khách hàng. Tại đây, H làm quen với anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993, là thợ làm bánh mì tại lò bánh mì D.

Khoảng 15 giờ ngày 15/12/2018, Phạm Đức H điều khiển xe máy đến lò bánh mì D rủ và chở anh Nguyễn Xuân T đến Quán C thuộc Khối phố 7, thị trấn K, huyện P để uống bia (nhậu). Sau đó, H chạy xe máy về lò bánh mì Gia H chở anh Nguyễn Thành C đến quán C để nhậu cùng T. Nhậu được khoảng 01 thùng bia Larue (24 lon) thì T điện thoại cho anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1992 (là anh ruột T) để rủ P cùng nhậu, rồi chạy xe máy đến nhà anh P, chở anh P đến quán C tiếp tục nhậu cùng H và anh C. Sau khi nhậu hết khoảng 02 thùng bia Larue thì H nhờ anh T chở H về trả xe máy cho bà T chủ lò bánh mì Gia H, anh T đồng ý; H chở anh T về lò bánh mì D, anh T lấy xe máy đi cùng H đến lò bánh mì Gia H, H trả xe máy cho bà T xong thì anh T chở H quay lại quán C để nhậu tiếp. Trong lúc nhậu, anh T hỏi H “*bà lúc nãy là bà T hả*”, H trả lời “*chị T đó*”, anh T nói tiếp “*sao tao thấy bà này khác không giống bà T*”, H nói “*sao không có ai tin em hết vậy*”. Anh P nghe H nói thì nói “*mi nhỏ biết gì, im đi*

không tao đánh”.

Lúc này, anh C đang ngồi bấm điện thoại nghe H và T cãi nhau thì đứng dậy nói với H *“uống không được nữa thì đi về”* H liền đứng dậy, dùng tay phải rút con dao bấm cất giấu trong túi quần phía sau bên phải đang mặc đầm vào bụng anh C một nhát. Anh P thấy H cầm vật gì đó đâm anh C (*anh P nghĩ là H dùng chiếc đũa để đâm anh C*), liền đứng dậy nói *“sao mà đâm nó”* rồi cầm ly thủy tinh ném vào người H nhưng không trúng. Anh P xô ngã bàn nhậu xông vào phía H, dùng tay trái cầm cổ áo, tay phải đâm vào vùng mặt của H trúng vào giữa trán thì bị H đâm 01 nhát vào vùng ngực trái, 02 nhát vào tay trái. Anh T nhìn thấy anh P bị chảy máu ở vùng ngực thì biết là do H đâm nhưng không rõ H dùng vật gì để đâm anh P (*sau này mới biết là H dùng dao bấm đâm anh P*) nên đã lấy chiếc ghế nhựa có tựa tại bàn nhậu đánh trúng vào vùng ngực H làm H ngã xuống nền quán. H đứng dậy bỏ chạy ra cổng, anh T đuổi theo chụp được cổ áo phía sau của H thì bị H đâm vào tay trái 3 nhát gây thương tích. H cầm dao bỏ chạy về lò bánh mỳ Gia H, thay quần áo rồi đón xe khách về thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Trên đường đi, H vút con dao dùng để gây án bên lề đường QL1A đoạn đối diện cây xăng dầu P thuộc tỉnh Khánh Hòa bên ven đường Quốc lộ 1A (*không xác định được vị trí*). Các bị hại Nguyễn Thành C, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Xuân T sau khi bị H đâm gây thương tích đã được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị thương tích.

Ngày 19/12/2018, Phạm Đức H đến Công an Phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 20/12/2018, các bị hại Nguyễn Xuân P, Nguyễn Thành C, Nguyễn Xuân T gửi đơn yêu cầu khởi tố đối với Phạm Đức H.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 136/C09C (Đ5) ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của anh **Nguyễn Xuân P** như sau:

Thương tích chi tiết: Trên đường giữa vùng ngực bụng có sẹo phẫu thuật, đầu trên cách hõm ức 02 cm, kích thước 30 x (0,2- 0,6)cm; Vùng ngực trái, cách đường giữa 3,5cm, cách dưới núm vú 3,5cm có sẹo vết thương, nằm gần ngang, kích thước 7 x (0,2- 0,5)cm, màu hồng, mép gọn, lõm nhẹ, di động, sờ ấn không đau; Vùng ngực trái trên đường nách trước, cách hõm nách 12cm có sẹo dẫn lưu, kích thước 2,2cm x 1cm; vùng ngực trái, sát bờ sườn, cách đường giữa 2,5cm có sẹo dẫn lưu, kích thước 1,6 x (0,2-0,3)cm; vùng ngực phải, sát bờ sườn, cách đường giữa 2,5cm có sẹo dẫn lưu, kích thước 2,2 x (0,3-0,4)cm; vùng bụng phải,

cách đường giữa 10cm, trên gai chậu trước trên liềm có sẹo dẫn lưu, kích thước 2 x (0,3-0,4)cm. Cách dưới sẹo trên 3,5cm có sẹo dẫn lưu, kích thước 1,5 x 0,5cm; Mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, cách dưới mỏm khuỷu 7,5cm có sẹo vết thương, kích thước 4 x (0,2-0,6)cm, màu nâu, mép gọn, di động, sờ ấn không đau; mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay trái, cách nếp gấp khuỷu 3,5cm có sẹo vết thương, kích thước 0,9 x (0,2-0,4)cm, màu nâu, mép gọn, di động, sờ ấn không đau.

Kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các thương tích như sau: Sẹo vết thương vùng ngực trái: 2%; sẹo vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái: 1%; sẹo mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay trái: 1%; rách màng ngoài tim: 11%; rách màng phổi: 3%; thủng cơ hoành: 21%; thủng gan: 31%; thủng dạ dày: 31%.

Sẹo phẫu thuật ngực bụng, 05 sẹo dẫn lưu vùng ngực bụng và vết mổ xương ức đã được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể trong các tổn thương ngực bụng.

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Xuân P tại thời điểm giám định là: 69% (*Sáu mươi chín phần trăm*).

Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương vùng ngực bụng của anh Nguyễn Xuân P do vật sắc nhọn gây nên; tổn thương vùng cẳng tay trái của anh Nguyễn Xuân P do vật sắc hoặc sắc nhọn gây nên.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 137/C09C(Đ5) ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của **anh Nguyễn Thành C** như sau:

Thương tích chi tiết: Trên đường giữa trên dưới rốn có sẹo mô, đầu trên cách mũi ức 9cm, kích thước 12 x (0,2-0,5)cm; vùng bụng phải, cách đường giữa 4cm có sẹo vết thương, nằm ngang kích thước 2,1 x 0,1cm, màu nâu, mép gọn, di động, sờ ấn không đau; vùng bụng phải, cách đường giữa 8,5cm có sẹo dẫn lưu, kích thước 1,8 x 0,5cm.

Kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các thương tích như sau: Sẹo vết thương vùng bụng phải: 1%; thủng ruột non, thủng mạc treo ruột non đã cắt đoạn ruột: 51%.

Sẹo mổ trên đường giữa trên dưới rốn và sẹo dẫn lưu vùng bụng phải đã được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể trong phẫu thuật tổn thương bụng.

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định

tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Thành C tại thời điểm giám định là: 51% (*năm mươi một phần trăm*).

Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương vùng bụng phải của anh Nguyễn Thành C do vật sắc nhọn gây nên.

* Tại Bản kết luận giám định thương tích số 152/GĐTT.19 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm Pháp y kết luận giám định thương tích của **anh Nguyễn Xuân T** như sau:

Thương tích chi tiết: Mặt trong đoạn 1/3 dưới cánh tay trái có vết rách thủng da, cơ đã lành sẹo hình gần tròn đường kính 1cm. Vết thương do vật sắc cạnh có mũi nhọn gây nên. Hướng chệch từ trước ra sau, từ phải sang trái; Mặt trước ngoài đoạn 1/3 trên cánh tay trái có 02 vết rách thủng da, cơ đã lành để lại sẹo lồi cách nhau 1,5cm, vết trong dài 1,5cm, rộng 0,5cm, vết phía ngoài dài 2cm, rộng 0,3 cm. Vết thương do vật sắc cạnh có mũi nhọn gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên; Mặt ngoài khuỷu tay trái và đoạn 1/3 trên cẳng tay trái có vết rách da và cơ đã lành để lại sẹo lồi dài 4,5cm, rộng 0,5cm. Vết thương do vật sắc cạnh có mũi nhọn gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Vận động gấp, duỗi khớp khuỷu trái được bình thường.

Kết luận: Tổn thương chủ yếu hiện tại còn thay được ở trên bệnh nhân là vết rách da như đã nêu trên phần giám định. Không tổn thương xương. Không thấy dấu hiệu thần kinh khu trú.

Tỷ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại: Căn cứ thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể dùng trong giám định Pháp Y, Pháp Y Tâm thần: tỉ lệ: 05%.

Ngày 23/10/2019 phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng có Công văn số 316/CV-C09(Đ5) giải thích một số nội dung trong Kết luận giám định pháp y thương tích số 136/C09C(Đ5) và 137/C09C(Đ5) ngày 26/02/2019 đối với thương tích của anh Nguyễn Xuân P và anh Nguyễn Thành C như sau:

Anh Nguyễn Xuân P bị vết thương ngực bụng (*rách mảng ngoài tim, rách màng phổi, thủng cơ hoành, thủng gan, thủng dạ dày*) là do vật sắc nhọn đâm một lần gây nên, hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới và chệch từ trái sang phải.

Anh Nguyễn Thành C bị vết thương thấu bụng (*thủng ruột non, thủng mạc treo ruột non*) là do vật sắc nhọn đâm một lần gây nên, hướng từ trước ra sau. Quá trình điều tra vụ án, do bị cáo Phạm Đức H có tiền sử về bệnh tâm thần, gia đình H có giao nộp cho CQĐT giấy chứng nhận điều trị tâm thần của Bệnh viện tâm thần thành phố Đà Nẵng chứng nhận: Phạm Đức H đã điều trị nội ngoại trú tại Bệnh viện Tâm thần thành phố Đà Nẵng từ ngày 23/3/2016 đến ngày 06/12/2016 về bệnh rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng cần sa (F12.5) nên

Cơ quan CSĐT Công an huyện P ra Quyết định trưng cầu giám định về tình trạng tâm thần của bị cáo Phạm Đức H.

Tại Bản giám định pháp y tâm thần số 878 ngày 02/10/2019 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận về tình trạng sức khỏe tâm thần của bị cáo Phạm Đức H như sau:

Trước thời điểm gây án:

a. Về mặt y học: Rối loạn, loạn thần giống tâm thần phân liệt trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy (F19.50).

b. Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại thời điểm gây án:

a. Về mặt y học: Rối loạn, loạn thần giống tâm thần phân liệt trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy (F19.50).

b. Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại thời điểm hiện tại:

a. Về mặt y học: Trạng thái loạn thần di chứng do sử dụng nhiều loại ma túy (F19.7).

b. Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Đối tượng cần được điều trị ngoại trú và cách ly ma túy (BL: 208-212)

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 08/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức H**, phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*):

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đức H** 12 (*mười hai*) năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*):

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đức H** 06 tháng (*sáu*) tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo **Phạm Đức H** phải chịu mức hình phạt chung là 12

năm 06 tháng tù (*mười hai năm sáu tháng*), Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (*ngày 19/12/2019*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2020 bị cáo Phạm Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Phạm Đức H giữ nguyên kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Hành vi của bị cáo Phạm Đức H bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Giết người*” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 và tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội; với tính chất vụ án, vai trò và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù, về tội “*Giết người*” và 06 tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*” là phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đức H phù hợp với lời khai của các bị hại Nguyễn Thành C, Nguyễn Xuân P và Nguyễn Xuân T; phù hợp với lời khai của các nhân chứng Tân Vĩnh Dũng, Nguyễn Thị Duy, Tân Vĩnh Cửu và Đặng Văn Hòa; phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 19/12/2018; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/12/2018; phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y số 136/C09C (Đ5) ngày 26/02/2019, số 137/C09C (Đ5) ngày 26/02/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và số 152/GĐTT.19 ngày 28/5/2019 của Trung tâm pháp y cũng như các tài liệu chứng cứ, vật chứng do cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vì mâu thuẫn nhỏ trong khi nhậu, bị cáo H đã sử dụng dao bấm đâm bị hại Nguyễn Thành C 01 nhát thấu bụng làm thủng ruột non, thủng mạc treo ruột non gây thương tích 51%; đâm bị hại Nguyễn Xuân P 01 nhát trúng vào vùng ngực trái gây rách màng ngoài tim, rách màng phổi, thủng cơ hoành, thủng gan, thủng dạ dày và 02 nhát trúng tay trái gây thương tích, với tổng tỷ lệ thương tích là 69%. Sau khi đâm bị hại P, C bị cáo chạy ra ngoài sân của quán nhậu thì bị hại T chạy theo kéo áo bị cáo, bị cáo đã đâm bị

hại Nguyễn Xuân T vào tay trái gây thương tích 5%. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Đức H đã phạm vào tội “*Giết người*” theo điểm a, khoản 1 Điều 123 và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án; chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ, bị cáo đã dùng dao (*hung khí nguy hiểm*) đâm vào nơi trọng yếu trên cơ thể của nhiều người thể hiện tính hung hãn, côn đồ và mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; gây hoang mang lo lắng cho nhiều người và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và lần đầu phạm tội; bồi thường thiệt hại, được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và trường hợp phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt để quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt 12 năm tù, về tội “*Giết người*” và 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là phù hợp, đã có chiếu cố. Cho nên, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 123; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức H 12 (*mười hai*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức H 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Đức H phải chịu hình phạt chung của hai tội là 12 năm 06 tháng tù (*mười hai năm sáu tháng*).

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (*ngày 19/12/2019*).

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về trách nhiệm dân sự, về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phạm Đức H phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng y*).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam (03 bản, để giao cho bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án, phòng lưu trữ, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh